

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT FDI VÀO VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. Đặng Văn Dân

Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là việc làm cần thiết trong thời kỳ nước ta đang hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Với việc mở rộng hội nhập quốc tế và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư tại Việt Nam đã tạo ra nhiều cơ hội song cũng đầy thách thức cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

Nhìn vào thực trạng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam cho thấy, từ năm 2000, dòng vốn FDI bắt đầu có dấu hiệu phục hồi sau ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và tiền tệ châu Á. Tổng vốn FDI đăng ký năm 2000 đạt trên 2,7 tỷ USD, tăng 21% so với năm 1999; năm 2001 tăng 18,2% so với năm 2000; Tuy nhiên năm 2002 vốn đăng ký giảm, chỉ bằng 91,6% so với năm 2001, năm 2003 tăng 6% so với năm 2002. Vốn FDI có xu hướng tăng nhanh từ năm 2004, với tốc độ tăng 43% so năm 2003 và năm 2005 tăng 51% so năm 2004. Kể từ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng đột biến: Năm 2006 vốn FDI đăng ký đạt 12 tỷ USD, năm 2007 đạt trên 21,3 tỷ USD, năm 2008 con số này lên tới trên 71,7 tỷ USD, gấp hơn 3 lần so với năm 2007. Trong năm 2009 và năm 2010, mặc dù chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, cũng như những vấn đề hậu khủng hoảng, vốn FDI đăng ký sụt giảm hẳn song vẫn đạt khoảng 23,1 tỷ vào năm 2009 và 19,9 tỷ vào năm 2010.

Theo đó, dòng vốn FDI thực hiện vào Việt Nam cũng tăng với tốc độ



ngoạn mục, từ 4,1 tỷ USD của năm 2006 lên đến hơn 8,03 tỷ USD trong năm 2007 và tiếp tục tăng mạnh đạt đến 11,5 tỷ USD vào năm 2008 (tăng 43,1% so 2007), chiếm tới 30,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, cao hơn rất nhiều so với các năm trước. Trong năm 2009 và năm 2010, mặc dù vốn đăng ký giảm nhưng vốn FDI thực hiện vẫn đạt 10 tỷ USD vào năm 2009 và khoảng 11 tỷ vào năm 2010, với tỷ trọng tương ứng trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 25,6% và 25,8%.

Hình 1: Vốn FDI thực hiện giai đoạn 2000-2014

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: tác giả tổng hợp từ Niên giám Thống kê Việt Nam

Tuy nhiên, đến giai đoạn tiếp theo tổng vốn FDI đăng ký không ổn định, năm 2011 đạt 15,6 tỷ USD, giảm 21,5% so 2010, năm 2013 đạt trên 22,3 tỷ USD (tăng 36,7% so năm 2012). Tương ứng, tổng vốn FDI thực hiện giảm và chững hẳn trong 2 năm 2010, 2011 ở mức 11 tỷ USD và tăng trở lại ở mức trên 11 tỷ vào năm 2013 và đạt 12,4 tỷ vào năm 2014.

Số liệu từ Niên giám Thống kê 2014 cho thấy, một lượng lớn vốn FDI tập trung ở khu vực Đông Nam Bộ (43,7% so cả nước), kế đến là Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Trong khi đó vốn FDI lại tập trung với tỷ lệ thấp ở Đồng bằng sông Cửu Long (4,8%), Trung du và Miền núi phía Bắc (4,6%), thấp nhất là Tây Nguyên (0,3%), hay nói cách khác là các khu vực này chưa thực sự hấp dẫn được các nhà đầu tư nước ngoài.

Tính đến cuối năm 2014, địa phương nhận được vốn FDI nhiều nhất là thành phố Hồ Chí Minh với 38,3 tỷ USD, chiếm 15% cả nước. Kế đến là Bà Rịa - Vũng Tàu trên 26,8 tỷ USD (chiếm 10,6%); thứ 3 là Hà Nội 23,8 tỷ USD (chiếm 9,5%), Đồng Nai 21,6 tỷ USD, Bình Dương trên 20 tỷ USD... Thấp nhất là Lai Châu với vốn vón 0,004 tỷ USD, thứ nhì là Hà Giang 0,013 tỷ USD, thứ ba là Đắk Nông 0,02 tỷ USD.

Hiện các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 18/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 9600 dự án (lũy kế các dự án còn hiệu lực tính đến ngày 31/12/2014) với tổng vốn đăng ký trên 141,4 tỷ USD, chiếm 56% tổng vốn FDI, tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 48,3 tỷ USD (chiếm 19,2% tổng vốn FDI), xây dựng với 11,4 tỷ USD (chiếm 4,5%); dịch vụ lưu trú, ăn uống 11,2 tỷ USD (chiếm 4,4%)... Các dự án quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, hay thuộc lĩnh vực công nghiệp dầu khí,



viên thông, điện tử tin học hiện nay vẫn chiếm lĩnh bởi các DN đến từ châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Hồng Kông.

Vốn FDI đầu tư chủ yếu vào 02 hình thức chính là 100% vốn nước ngoài và liên doanh. Trong đó hình thức 100% vốn nước ngoài thu hút được nhiều dự án nhất, còn lại là ba hình thức công ty cổ phần; hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng BOT, BT, BTO.

Cũng tính đến cuối năm 2014 (lũy kế các dự án còn hiệu lực) đã có trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam, trong đó đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký gần 38 tỷ USD (chiếm khoảng 15% trong tổng vốn FDI). Nhật Bản theo sát với trên 37,3 tỷ USD (chiếm 14,7%), tiếp theo lần lượt là Singapore gần 33 tỷ USD (chiếm 13%) và Đài Loan 28,5 tỷ USD (chiếm 11,3%), kế đến là Britishvirgin Island, Hồng Kông, Hoa Kỳ...

Có 8 nước ASEAN đầu tư FDI tại Việt Nam là Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei, Indonesia, Phillipines, Lào và Campuchia. Tổng số dự án FDI lũy kế tới 2014 của 8 nước trên là 2.507 dự án với tổng vốn đầu tư lũy kế đạt 53 tỷ

USD (chiếm 14% tổng số dự án và 20% tổng vốn FDI của cả nước).

Từ thực tế cho thấy, sau hơn 25 năm mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài, nguồn vốn FDI đã đóng góp tích cực vào thành tựu tăng trưởng và phát triển của Việt Nam. Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, riêng năm 2014 có 1843 dự án FDI vào Việt Nam, số dự án đã tăng gấp trên 12 lần so năm 1991; Tổng vốn thực hiện năm 2014 đạt 12,5 tỷ USD, tăng 25 lần so năm 1991. Tính đến hết năm 2014 (lũy kế các dự án còn hiệu lực) Việt Nam có 17.768 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên 252,7 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án ĐTNN ước đạt 125,0 tỷ USD, bằng 50 % tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.

Những số liệu trên cho thấy bức tranh FDI đã sáng trở lại từ sau khủng hoảng kinh tế thế giới. Việc thu hút FDI từ các nước đã giúp bổ sung nguồn vốn đầu tư lớn cho phát triển kinh tế - xã hội; góp phần giải quyết việc làm, nâng cao trình độ lao động; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện chiến lược CNH, HĐH; tăng cường hợp tác quốc tế và mở rộng hội nhập kinh tế; thúc đẩy cải cách,



đổi mới quản trị và công nghệ sản xuất của DN. Nhờ vào việc gia tăng các dự án đầu tư nước ngoài, khu vực ĐTN đã góp phần không nhỏ vào xóa đói giảm nghèo và nâng cao mức sống của người dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, việc thu hút FDI còn một số hạn chế như:

Phần lớn các DN FDI tập trung vào khai thác lợi thế nhân công giá rẻ, nguồn tài nguyên sẵn có, thị trường tiêu thụ dễ tính của Việt Nam để gia công, lắp ráp tiêu thụ sản phẩm nội địa và xuất khẩu. Các dự án 100% vốn nước ngoài luôn chiếm khoảng 70% trong tổng vốn đầu tư điều đó cho thấy sức lan tỏa của các dự án FDI đến DN Việt Nam không lớn, không chuyển giao được nhiều công nghệ kỹ thuật tiên tiến. Chủ yếu các sản phẩm công nghiệp sản xuất là hàng gia công lắp ráp, có hàm lượng khoa học thấp. Phần lớn vốn FDI vào Việt Nam đến từ các nước Châu Á cho thấy Việt Nam vẫn chưa tạo sức hút thực sự tới những cường quốc thuộc những châu lục khác, điều đó sẽ làm giảm cơ hội tiếp cận với những công nghệ mới, tiên tiến.

Một số DN FDI còn lợi dụng những chính sách ưu đãi về thuế,

miễn thuế... để lách luật, né thuế, lợi dụng chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài về mức chi quảng cáo, tiếp thị để hạch toán chi phí hợp lý, giảm thiểu doanh thu thực tế..., gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước Việt Nam.

Việt Nam còn thiếu một khung khổ pháp lý chuẩn về thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI hiệu quả, đồng bộ và toàn diện; Sức cạnh tranh của môi trường kinh tế đầu tư của Việt Nam còn kém so với khu vực thông qua các chỉ tiêu về chất lượng nguồn nhân lực, lao động có trình độ, tay nghề cao còn thiếu; hoạt động công nghệ khoa học còn thấp...

Mặc dù tới năm 2014, sau rất nhiều chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, dòng vốn FDI đã tăng trở lại vượt đỉnh so năm 2008; và cơ cấu thu ngân sách từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài năm 2014 là 13,5%, chiếm một phần không nhỏ trong tổng thu NSNN... song tốc độ tăng trưởng vẫn chưa thể hiện dấu hiệu bền vững, chính vì vậy trong giai đoạn tới, để dòng vốn FDI vào Việt Nam thực sự phát huy hiệu quả, cần tập trung vào những giải pháp sau:

Hoàn thiện hệ thống pháp lý liên quan đến đầu tư nước ngoài

Hiện nay, trong bối cảnh nguồn đầu tư nước ngoài có phần chững lại do những bất ổn tài chính toàn cầu và sự cạnh tranh thu hút vốn nước ngoài ngày càng gay gắt giữa các nước trong khu vực, vì vậy nước ta cần phải xây dựng các chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư nước ngoài gắn chặt với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và nhà nước. Về mặt hệ thống pháp lý cần: Hoàn thiện hệ thống pháp lý liên quan đến đầu tư nói chung và đầu tư từ nước ngoài nói riêng, cải cách thủ tục hành chính về cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan cấp giấy phép đầu tư để giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài thuận lợi hơn nữa khi đầu tư vào Việt Nam.

Chính sách kinh tế ưu đãi thuận lợi

Các chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách tài khóa của Bộ Tài chính đều có tác động ảnh hưởng đến các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, do đó Chính phủ cần có các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, giúp các nhà đầu tư nước ngoài thật sự tin tưởng vào triển vọng phát triển.

Cải thiện cơ sở hạ tầng

Phát triển cơ sở hạ tầng và giao thông là một trong những yếu tố quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và đầu tư trực tiếp nói riêng. Do đó Chính phủ cần thực hiện các giải pháp đồng bộ cải thiện và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng như: Tăng cường công tác quy hoạch tổng thể hợp lý và hiệu quả, nâng cấp hệ thống giao thông cả đường bộ, đường hàng không và đường thủy, nâng cấp mạng lưới điện, thông tin liên lạc.

Nâng cao chất lượng nguồn lao động

Nguồn lao động trình độ cao là một trong những nhân tố trọng tâm thu hút nguồn vốn FDI. Việt Nam cần tăng cường mạnh mẽ công tác đào tạo, nhất là đào tạo nghề, đào tạo theo xu hướng quốc tế hóa nắm bắt được các công nghệ tiên tiến trên thế giới, đảm bảo cung cấp được nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài.

Thúc đẩy hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại

Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại cũng là nhân tố giúp nước ta thu hút thêm được nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng như dòng vốn FDI vào Việt Nam. Thời gian tới, nước ta cần tiếp tục phát triển quan hệ kinh tế quốc tế, thúc đẩy hơn nữa các hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại để Việt Nam trở thành điểm đến tin cậy và hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài./